

	Thuyết minh	30/06/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt	4	265.313
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	1.067.053
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	1.843.486
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	1.843.486	1.672.864
2	Cho vay các TCTD khác	-	100.000
VI	Cho vay khách hàng	16.687.088	16.080.186
1	Cho vay khách hàng	16.839.974	16.217.984
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(152.886)	(137.798)
VIII	Chứng khoán đầu tư	9	3.606.280
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	3.318.108	3.140.122
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	438.630	416.461
3	Dự phòng rủi ro đầu tư chứng khoán	(150.458)	(78.298)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	514.521
1	Đầu tư vào công ty con	500.000	500.000
4	Đầu tư dài hạn khác	14.521	30.530
X	Tài sản cố định	1.129.574	1.041.285
1	Tài sản cố định hữu hình	460.758	372.458
a	Nguyên giá	566.742	461.487
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(105.984)	(89.029)
3	Tài sản cố định vô hình	668.816	668.827
a	Nguyên giá	699.532	695.831
b	Giá trị hao mòn lũy kế	(30.716)	(27.004)
XII	Tài sản có khác	1.601.493	1.529.079
1	Các khoản phải thu	283.965	262.550
2	Các khoản lãi, phí phải thu	1.136.411	1.129.643
4	Tài sản có khác	181.117	136.886
TỔNG TÀI SẢN		26.714.808	25.360.531

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long
40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	30/06/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		-	312.218
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	15	1.462.300	1.172.538
1	Tiền gửi		1.121.827	788.037
2	Tiền vay		340.473	384.501
III	Tiền gửi của khách hàng	16	21.659.146	20.129.040
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	555
VII	Các khoản nợ khác		338.080	378.601
1	Các khoản lãi, phí phải trả		275.068	285.086
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	17	63.012	93.515
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		23.459.526	21.992.952
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	Vốn và các quỹ	18	3.255.282	3.367.579
1	Vốn		2.965.800	2.965.800
a	Vốn điều lệ		3.000.000	3.000.000
d	Cổ phiếu quỹ		(34.200)	(34.200)
2	Các quỹ		264.636	240.435
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(3.016)	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối		27.862	161.344
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.255.282	3.367.579
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.714.808	25.360.531

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long
40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân
Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Thuyết minh 30/06/2016 31/12/2015
Triệu VND Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I	NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN		91.690	45.216
2	Cam kết giao dịch hối đoái		-	11.635
	Cam kết mua ngoại tệ	33	-	5.540
	Cam kết bán ngoại tệ	33	-	6.095
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	33	47.404	16.632
5	Bảo lãnh khác	33	44.286	16.949

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Thị Duyên
Kế toán viên

Người duyệt:



Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng



Võ Văn Châu
Người đại diện theo pháp luật